

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2017/DS-PT

Ngày: 21/8/2017

V/v: *Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hoàng Thị Thu Lan

Các Thẩm phán : Bà Trần Thị Hải

Bà Trần Thị Thu Nam

- Thư ký phiên tòa :

Ông Đặng Văn Ngọc – Thư ký Tòa
án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội :

Bà Bùi Thị Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2017/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2017 về việc Tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản .

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2017/QĐ-PT ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 146/2017/QĐ-HPT ngày 25 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 443/2017/QĐ-HPT ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Nam N, sinh năm 1942 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú Châu, xã X, huyện P, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Hợp tác xã nông nghiệp xã X.

Địa chỉ: Xã X, huyện P, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Hoàng Đông H, sinh năm 1957, chức vụ: Giám đốc (xin vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1942 (có mặt)
2. Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1980 (vắng mặt)
3. Chị Lỗ Thị D, sinh năm 1982 (vắng mặt)
4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (vắng mặt)
5. Ông Nguyễn Nam T, sinh năm 1946 (vắng mặt)
6. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950 (có mặt)
7. Ông Nguyễn Nam T, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đều trú tại thôn Phú Châu, xã X, huyện P, thành phố Hà Nội.

8. Anh Nguyễn Nam Mười, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Viện phòng không quân Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Nam N – Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2016 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Nam N trình bày:

Tháng 3/2016, theo chủ trương của Hợp tác xã X về việc cấy lúa vụ chiêm xuân tại khu vực sông thuộc cụm 4, xã X, huyện P. Gia đình ông N có diện tích đất ruộng là 5 sào 12 thước tại khu vực này.

Theo thông báo của Hợp tác xã nông nghiệp X, thì ai có nhu cầu cấy lúa tại khu vực này thì ra nộp tiền cho Hợp tác xã tiền mạ và tiền công cấy. Gia đình ông N có nhu cầu cấy lúa, nên có nhờ Hợp tác xã X cấy bằng máy cấy, hai bên thoả thuận bằng miệng giá cấy bằng máy cấy và tiền mạ cấy là 200.000 đồng/1sào, tổng số tiền gia đình ông N phải trả cho Hợp tác xã là hơn 1.000.000 đồng. Gia đình ông N đã trả trước 500.000 đồng, còn lại sau khi cấy xong ông N sẽ thanh toán nốt. Hai bên không thoả thuận về việc cấy mạ như thế nào, nhưng hai bên đều biết là mạ phải đủ ngày tuổi thì mới cấy, hai bên không thoả thuận về việc sau khi cấy xong lúa thì Hợp tác xã nông nghiệp xã X phải chăm sóc cho lúa mới cấy.

Sau khi nộp tiền được 2, 3 ngày thì Hợp tác xã nông nghiệp xã X thông báo với ông N là Hợp tác xã nông nghiệp xã X không có kế hoạch cấy lúa tại khu vực ruộng nhà ông N. Hợp tác xã đến gia đình ông N trả tiền, ông N cũng đã nhận được tiền. Sau đó Hợp tác xã nông nghiệp X lại đồng ý cấy cho gia đình ông, nên gia đình ông N lại nộp 500.000 đồng cho Hợp tác xã nông nghiệp X. Trước khi cấy lúa gia đình ông N đã phải thuê bừa máy hết là 690.000 đồng,

nhưng không có giấy tờ gì chứng minh, chỉ hợp đồng bằng miệng. Tuy nhiên, sau khi thống nhất với nhau như vậy nhưng ruộng không có nước để cấy nên ông N lại phải mua xăng để đổ vào máy bơm nước lên ruộng, tổng số tiền mua xăng là 150.000 đồng. Sau khi bơm được nước lên ruộng thì Hợp tác xã nông nghiệp xã X lại không cấy cho gia đình ông N với lý do là đã cấy hết mạ đợt 1, phải chờ mạ đợt hai. Trong khi đó gia đình ông N phải giữ nước tại ruộng hơn 20 ngày, trước đó ruộng gia đình ông đã bị kẻ xấu tháo bỏ nước. Ông N chờ hết mạ đợt hai Hợp tác xã nông nghiệp X cũng không cấy cho gia đình ông. Ông N có đến UBND xã X đề nghị và trình bày về sự việc.

Đến đợt gieo cấy mạ đợt 3, quá theo lịch gieo cấy là 16 ngày, do mạ quá xấu, non và chết nhiều nên ông N không đồng ý cấy, nhưng ông Hoàng Đông H là giám đốc điều hành Hợp tác xã X thuê người tháo bỏ nước và điều máy cấy ra ruộng nhà ông cấy. Ông không nhất trí cấy nhưng Hợp tác xã vẫn cấy. Do gia đình ông không đồng ý cấy, nhưng Hợp tác xã X vẫn cấy, nên sau khi cấy lúa xong, gia đình ông không chăm sóc cho ruộng lúa nên ruộng lúa cỏ mọc rất nhiều. Đến tháng 6, do ruộng quá nhiều cỏ mọc, nên ông phải thuê người cắt cỏ với số tiền 300.000 đồng. Gia đình ông phải bóc bỏ cỏ hết 3 công x 200.000đồng/1 công = 600.000 đồng. Thiệt hại của gia đình ông trong vụ chiêm xuân này là không thu hoạch được thóc.

Ông N yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp xã X bồi thường thiệt hại cho gia đình ông số thóc không thu hoạch được là $1200\text{kg} \times 65.000 \text{ đồng/1 kg thóc} = 7.800.000 \text{ đồng}$, tiền ông thuê người bừa là: 690.000 đồng, tiền mua xăng là: 150.000đồng, tiền thuê người cắt cỏ 300.000 đồng, 03 ngày công bóc cỏ x 200.000đ/1ngày = 600.000 đồng, 500.000 đồng ông đã nộp trước cho ông D trong vụ chiêm xuân này, tổng cộng là 10.040.000 đồng.

Bị đơn là Hợp tác xã nông nghiệp X, do ông Hoàng Đông H đại diện trình bày:

Vụ chiêm xuân năm 2016 thực hiện sự chỉ đạo của UBND huyện P và Đảng uỷ, UBND xã X, Hợp tác xã nông nghiệp xã X tổ chức chương trình mạ khay máy cấy phục vụ nhân dân trong xã. Để đảm bảo cấy lúa tập trung, Hợp tác xã đã quy hoạch vùng sản xuất và thông báo tới các thôn trên hệ thống truyền thanh của xã. Ruộng của gia đình ông Nguyễn Nam N nằm ngoài vùng quy hoạch máy cấy của Hợp tác xã.

Ngày 29/01/2016, gia đình ông N đăng ký máy cấy nhưng Hợp tác xã không đồng ý vì nằm ngoài vùng sản xuất mạ khay máy cấy. Sau đó gia đình ông N trình bày khó khăn đề nghị Hợp tác xã giúp đỡ để cấy lúa nên Hợp tác xã nông nghiệp xã X đồng ý cấy máy cho gia đình ông N nhưng nói phải cấy cuối

cùng. Việc thỏa thuận cấy máy hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không có giấy tờ gì, ông N đã giao trước cho Hợp tác xã nông nghiệp X 500.000đ ồng. Theo kế hoạch, Hợp tác xã phải cấy xong trong tháng 02/2016, nhưng do vụ chiêm xuân năm 2016 thời tiết rét đậm, rét hại kéo dài, trà mạ gieo bổ sung lên chậm nên tới ngày 11/3/2016 Hợp tác xã mới cấy được đợt cuối cho các hộ trong đó có hộ ông N.

Ngày 11/3/2016 Hợp tác xã tổ chức cấy đợt mạ cuối cùng, mạ đã đủ tiêu chuẩn để cấy, Hợp tác xã mời gia đình ông N ra chuẩn bị ruộng để cấy, nhưng ông N nói là mạ xấu không cấy. Chiều ngày 11/3/2016 Hợp tác xã đã mời ông N về Hội trường hợp tác xã để lập biên bản về việc ông N không đồng ý cấy nhưng ông N không ký biên bản và lại đồng ý cấy. Sau đó ông N và con dâu ông N ra ruộng, tổ kỹ thuật triển khai cấy cho hộ ông N xong như hai bên đã thỏa thuận, gia đình ông N không có ý kiến gì. Do ruộng ông N nước sâu, để cấy được lúa và đảm bảo cho sự phát triển của cây lúa sau cấy, nên tổ kỹ thuật phải tháo bớt nước để cấy. Hợp tác xã không thỏa thuận với ông N là Hợp tác xã chăm sóc lúa cho gia đình ông. Sau khi cấy xong, gia đình ông N bỏ ruộng, không chăm sóc, không lấy nước, không làm cỏ nên lúa xấu, cỏ mọc là do lỗi của gia đình ông N. Trong khi đó các hộ gia đình được Hợp tác xã cấy lúa cùng ngày với hộ ông N vẫn thu hoạch lúa bình thường. Hợp tác xã nông nghiệp xã X không có lỗi gì trong việc ruộng lúa của gia đình ông N không thu hoạch được lúa, do đó Hợp tác xã X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Nam T, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Nam T, bà Hoàng Thị C, anh Nguyễn Thành C, anh Nguyễn Nam Mười, chị Lỗ Thị D, chị Nguyễn Thị Thuý trình bày: Đề nghị nhất trí với ý kiến của ông N, đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, Hà Nội đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nam N yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp X bồi thường thiệt hại về tài sản gồm: 1200kg thóc = 7.800.000 đồng, tiền thuê người bừa ruộng = 690.000 đồng, tiền mua xăng bơm nước = 150.000 đồng, tiền thuê người cắt cỏ = 300.000 đồng, tiền công bốc cỏ = 600.000 đồng, tiền ông đưa trước cho Hợp tác xã nông nghiệp X = 500.000 đồng, tổng cộng = 10.040.000 đồng (Mười triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, việc thi hành bản án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/3/2017 nguyên đơn là ông Nguyễn Nam N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo. Bị đơn vắng mặt, bị đơn có lời khai không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Nam N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệt tập hợp lệ các đương sự trong vụ án đến phiên tòa lần này là lần thứ 3. Phiên tòa phúc thẩm có mặt nguyên đơn, có mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị C và ông Nguyễn Văn T, vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác. Bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung :

Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Do có nhu cầu cấy lúa bằng mạ khay máy cấy trong vụ chiêm xuân năm 2016, ông Nguyễn Nam N đã đến thỏa thuận miệng với Hợp tác xã nông nghiệp X, để thuê Hợp tác xã cấy lúa cho gia đình ông tại ruộng ở khu vực sông, thuộc cụm 4 xã X, huyện P, Hà Nội. Hợp tác xã nông nghiệp X đã đồng ý cấy lúa bằng mạ khay máy cấy cho hộ ông N, ông N đã đưa trước cho Hợp tác xã số tiền 500.000 đồng. Do vụ chiêm xuân năm 2016 thời tiết rét đậm kéo dài, nên lịch gieo cấy phải lùi lại vài ngày, sau khi kết thúc rét đậm, Hợp tác xã nông nghiệp X đã cấy lúa cho gia đình ông N theo thỏa thuận. Ông N khai, do mạ xấu nên ông không đồng ý cho Hợp tác xã cấy lúa nhưng Hợp tác xã vẫn cố tình cấy và sau khi cấy lúa xong gia đình ông đã không

chăm sóc lúa. Tuy nhiên ông N không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc ông không đồng ý cấy lúa nhưng Hợp tác xã vẫn cấy lúa, hai bên không có thoả thuận về việc Hợp tác xã nông nghiệp X phải chăm sóc lúa sau khi cấy lúa cho ông N. Việc lúa sau khi cấy không phát triển được, cỏ mọc nhiều, không thu hoạch được lúa vụ chiêm xuân năm 2016 là do lỗi của gia đình ông N không chăm sóc cho lúa. Ông Nguyễn Nam N khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp X phải bồi thường cho ông các khoản: 1200kg = 7.800.000 đồng, tiền người bừa = 690.000 đồng, tiền mua xăng = 150.000 đồng, tiền thuê người cấy cỏ = 300.000 đồng, tiền công bốc cỏ = 600.000 đồng, 500.000 đồng tổng cộng = 10.040.000 đồng là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nam N đối với Hợp tác xã nông nghiệp X là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Nam N.

Về án phí :

Ông Nguyễn Nam N có đơn đề nghị được miễn giảm án phí Tòa án với lý do ông là thương binh hạng 4/4 thuộc đối tượng người có công với cách mạng, do đó Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm Tòa án cho ông N (áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15, 24, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án).

Từ nhận định trên, sửa bản án sơ thẩm về án phí. Hoàn trả ông N tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

Quan điểm của đại diện VKSNDTP Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15, 24, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Nam N

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nam N đối với Hợp tác xã nông nghiệp X về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Về án phí:

Ông Nguyễn Nam N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Hoàn trả ông N tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001640 ngày 26/10/2016, Biên lai thu tiền số 0001737 ngày 04/01/2017 và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001830 ngày 03/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận :

- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THA dân sự huyện Ứng Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Thị Thu Lan